

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 18 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Luyện

Ông Nguyễn Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Văn N** - sinh ngày 20/8/1990 tại TT, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: khối 10, TT, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị M; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 26/02/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên **Phan Thị V** - sinh ngày 19/9/1976 tại xã LS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: khối 8, TT, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Đào Thị T; chồng Nguyễn Sỹ T (sinh năm 1978) và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 22/4/2019 thì được bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa của bị cáo V: bà Nguyễn Thị H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư HT – Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An.

Bị hại:

1. Công ty cổ phần A

Địa chỉ: xóm 12 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Công T – sinh năm 1984

Nơi cư trú: xóm 12 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Công ty TNHH B.

Địa chỉ: khối 2 thị trấn YT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1975

Nơi cư trú: xóm 3 xã ĐS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Thái Ngô H – sinh năm 1976

Nơi cư trú: xóm YM, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Đăng S – sinh năm 1960

Nơi cư trú: xóm 12 xã V, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Cảnh D – sinh năm 1988

Nơi cư trú: xóm 11 xã TS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1971

Nơi cư trú: xóm 2 xã C, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 22 và 25 tháng 02 năm 2019, nhận được tin tố giác tội phạm của Xí nghiệp thủy lợi Đ, Hạt quản lý đường bộ Đ, UBND xã Y, UBND xã V về việc mất một số tài sản thuộc trách nhiệm quản lý của các đơn vị, Công an huyện Đô Lương đã rà soát các đối tượng khả nghi và triệu tập Nguyễn Văn

N lên làm việc.

Qua đấu tranh, Nguyễn Văn N khai nhận trong thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2019 đã thực hiện 5 hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Vào khoảng tháng 10/2018, N nảy sinh ý định trộm cắp các tấm lưới chắn rác trên Quốc lộ 7B, đoạn qua xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. N chọn thời điểm vào lúc trời tối, một mình đi đến các vị trí có tấm lưới chắn rác rồi dùng 01 thanh gỗ cạy bật lên. Để chở được các tấm lưới này, N mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 37D1-50527 của anh Nguyễn Cảnh Hoàng và xe mô tô nhãn hiệu Longin BKS 37K1-6886 của ông Nguyễn Song Hào, chở sang xóm 2 xã C, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An bán cho chị Nguyễn Thị T (là người thu mua phế liệu) với giá 260.000 đồng/tấm để lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Do các tấm lưới chắn rác nặng nên mỗi tối N chỉ lấy trộm được từ 02 đến 03 tấm. Tổng số tấm lưới N lấy bán cho chị T là 10 tấm. Các tài sản này thuộc trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng của Công ty cổ phần A (là đơn vị trúng thầu theo Quyết định số 578/QĐ-CQLĐB II ngày 25/5/2018 của Cục quản lý đường bộ II và Hợp đồng số 630/2018/HĐ-QL,BDTX ngày 31/5/2018).

Theo kết quả định giá tài sản, 10 tấm lưới chắn rác bằng sắt mạ kẽm trị giá 10.000.000 đồng (mỗi tấm trị giá 1.000.000 đồng).

- Tối ngày 07/02/2019, N mượn 02 chiếc mỏ lết của anh Nguyễn Văn Cường với mục đích sử dụng vào việc tháo các máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi. N đạp xe đạp đến đoạn kênh thủy lợi nội đồng N2-2 (địa phận qua xóm YK, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) thuộc quyền quản lý của UBND xã Y. Quan sát không thấy người, N dùng mỏ lết vặn ốc nối các bộ phận của đặt máy đóng, mở điều tiết nước ra rồi tháo các tấm chắn nước đặt lên bờ kênh. Sau khi tháo được 07 máy, N chở 01 tấm chắn loại nhỏ (kích thước 41cmx42cm trị giá 1.000.000 đồng) bằng xe đạp đi đến nhà Phan Thị V gạ bán. V nghi ngờ hỏi và biết N trộm cắp tài sản nhưng vẫn đồng ý mua với giá 5.500 đồng/kg theo sắt phế liệu. Để thuận tiện tẩu tán tài sản, V cho N mượn chiếc xe mô tô Wave màu đen BKS 37B2-43413 (là tài sản của anh Nguyễn Sỹ T – chồng V) đi chở các tấm sắt khác về bán cho V. Sau khi cân sắt và trả tiền, V dặn N không được khai báo việc mua bán sắt.

Theo kết quả định giá tài sản, các bộ phận của 07 máy đóng mở điều tiết nước trị giá 16.500.000 đồng.

- Tối ngày 09/02/2019, cũng hành động tương tự tối 07/02/2019, sau khi tháo xong các bộ phận của máy đóng mở điều tiết nước tại 02 vị trí trên kênh N2-2 (thuộc quyền quản lý của UBND xã Y) và 06 vị trí trên kênh thủy lợi nội đồng N2 (thuộc quyền quản lý của UBND xã V), N lại đạp xe đến nhà V mượn xe mô tô để chở về bán cho V. Mặc dù không trao đổi gì thêm nhưng V vẫn biết N dùng xe để chở đồ trộm cắp. Số tiền bán sắt, N đã tiêu xài hết.

Theo kết quả định giá tài sản, các bộ phận của 08 máy đóng mở điều tiết nước trị giá 18.800.000 đồng.

- Liên tiếp tới 10/02/2019, N thực hiện hành động tương tự để trộm cắp các bộ phận của 9 máy đóng mở điều tiết nước trên kênh thủy lợi nội đồng Rađa1 + Rađa3 + N1 thuộc quyền quản lý của UBND xã V (kết quả định giá những tài sản này trị giá 20.600.000 đồng). Tới ngày 11/02/2019, N trộm các bộ phận của 06 máy đóng mở nước điều tiết trên kênh N2-5 (trên địa bàn xã Y) thuộc quyền quản lý, bảo vệ của Công ty TNHH B (là đơn vị trúng thầu của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An theo văn bản bàn giao ngày 30/11/2018); kết quả định giá những tài sản này trị giá 19.400.000 đồng. Trong hai lần này, V cũng cho N mượn xe mô tô đi chở các tài sản về bán cho V.

Còn Phan Thị V đã bán số sắt mua được của N cho anh Nguyễn Cảnh D với giá 3.500.000 đồng (tương ứng 5 tạ sắt, mỗi kg giá 7000 đồng).

Ngoài ra, tới 13/02/2019, tại khối 10 TT, N còn trộm 02 cánh cổng sắt của anh Nguyễn Văn Thủy rồi gọi V mang xe lôi đến kéo về. V trả cho N 180.000 đồng. Kết quả định giá 02 cánh cửa sắt trị giá 1.400.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được tại cơ sở thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị T 06 tấm lưới chắn rác bằng sắt mạ kẽm. Thu giữ tại cơ sở thu mua phế liệu của anh Nguyễn Cảnh D: 18 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 41cmx42cm + 03 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 62cmx53cm + 02 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 62cmx62cm + 02 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 95cmx106cm + 23 thanh thép hình trụ tròn ϕ 3cm có lỗ nhỏ đầu thanh và được tiện ren $\frac{3}{4}$ chiều dài (trong đó 6 thanh dài 1,4m + 17 thanh dài 1,2m có gắn ốc ren) + 12 bộ phận ốc ren trong rời bằng thép + 01 khối thép gồm nhiều tấm thép mỏng gắn vào nhau kích thước 88cmx27cmx17cm (đây là các bộ phận của máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi). Thu giữ tại nhà Phan Thị V 02 cửa sắt.

Ngày 17/4/2019, cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu và người quản lý như sau:

- 06 tấm sắt mạ kẽm kích thước 70cmx35cmx4cm trả cho Công ty cổ phần A

- 04 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 41cmx42cm, 02 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 95cmx106cm, 06 thanh thép trụ tròn ϕ 3cm trên có gắn ốc ren (4 thanh dài 1,2m và 2 thanh dài 1,4m), 12 bộ phận ốc ren rời làm bằng thép trả cho Công ty TNHH B.

- 09 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 41cmx42cm, 01 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 62cmx53cm, 02 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 62cmx62cm, 10 thanh thép trụ tròn ϕ 3cm trên có gắn ốc ren (8 thanh dài 1,2m và 2 thanh dài 1,4m và trên 5 thanh có gắn ốc ren), 01 khối thép gồm nhiều tấm thép mỏng gắn vào nhau kích thước 88cmx27cmx17cm sơn màu

đỏ trả cho UBND xã V.

- 05 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 41cmx42cm, 02 tấm kim loại phẳng sơn màu đỏ kích thước 62cmx53cm, 07 thanh thép trụ tròn ϕ 3cm được tiện ren $\frac{3}{4}$ chiều dài thanh và có gắn ốc ren trên 5 thanh (5 thanh dài 1,2m và 2 thanh dài 1,4m) trả cho UBND xã Y.

- 02 cửa sắt kích thước 1,2mx1,8m trả cho anh Thủy.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS-HS ngày 13/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo N thừa nhận về các hành vi trộm cắp tài sản trên tuyến Quốc lộ 7B, kênh mương thủy lợi N2, N2-2, N1, N2-5, Rađa1, Rađa3 thuộc quyền quản lý của UBND xã V, UBND xã Y, Công ty cổ phần A, Công ty TNHH B như truy tố và đem bán cho Phan Thị V, chị Nguyễn Thị T để lấy tiền mua ma túy, tiêu xài cá nhân. Trước khi bị bắt giữ, bị cáo lao động tự do, chủ yếu là làm thuê bằng lao động chân tay với thu nhập trung bình 250.000 đồng/ngày nhưng từ khi bị bắt giữ thì không có việc làm và cũng không có thu nhập. Bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại và chấp nhận bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho Công ty TNHH B; ông nội bị cáo Nguyễn Văn H là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo V thừa nhận mặc dù biết vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên đã 4 lần giúp đỡ N, cho N mượn xe mô tô thực hiện việc vận chuyển tài sản trộm cắp (là các tấm sắt và thanh sắt, ốc vít) về bán cho V. Sau khi mua sắt của N, V đã bán lại cho anh D. V đã phối hợp với cơ quan điều tra để thu giữ vật chứng vụ án là số sắt để trả lại cho các bị hại. Trước khi xét xử, bị cáo đã bồi thường thiệt hại 2.000.000 đồng và được Công ty TNHH B làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có mẹ là chiến sỹ Trường Sơn, được tặng huy hiệu. Chồng bị cáo bị tàn tật không lao động được, các con còn nhỏ không ai chăm lo. Bị cáo ân hận với hành vi của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người đại diện theo ủy quyền của Bị hại Công ty cổ phần A thừa nhận đã nhận lại 06 tấm chắn rác và chưa được bồi thường thiệt hại trị giá 4 tấm chắn rác không thu hồi được. Đây là các thiết bị phụ trợ của hệ thống thoát nước và hiện Công ty đang cân nhắc các thiệt hại để quyết định mức bồi thường phù hợp. Vì vậy, trong vụ án hình sự này, Công ty chưa yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết việc bồi thường thiệt hại mà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại UBND xã V và UBND xã Y thừa nhận đã nhận lại một số bộ phận máy đóng mở điều tiết nước đồng thời cũng đã lắp ráp được một số máy đưa vào hoạt động bình thường. Hiện vẫn còn một số máy chưa đầy đủ các bộ phận nên chưa tiến hành lắp ráp và không khai

thác được công dụng của chúng. Vì vậy, UBND xã Y và UBND xã V chưa tính toán được cụ thể toàn bộ thiệt hại do tội phạm gây ra đối với hoạt động phát triển thủy lợi nông nghiệp nên chưa yêu cầu bồi thường trong vụ án hình sự này; sau này khi đã tính toán được cụ thể thì sẽ tiến hành khởi kiện bồi thường thiệt hại bằng vụ án khác.

- Người đại diện theo ủy quyền của Bị hại TNHH B thừa nhận đã nhận lại một số bộ phận máy đóng mở điều tiết nước và 2.000.000 đồng do bị cáo V bồi thường và đồng ý với việc bị cáo N tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000 đồng trị giá thiệt hại còn lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, chị T thừa nhận có mua từ N 10 tấm chắn rác vì tin rằng đó là tài sản thanh lý. Chị T đã bán đi một số tấm đồng thời giao nộp lại 6 tấm chắn cho cơ quan điều tra. Chị T chưa yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Cảnh D vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, anh D thừa nhận có mua từ V số sắt giá 3.500.000 đồng (khoảng 5 tạ). Anh D đã bán một phần số sắt đó đồng thời giao nộp số sắt còn lại cho Cơ quan điều tra. Anh D chưa yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử đề nghị: giữ nguyên việc truy tố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N mức án từ 3 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc bị cáo N bồi thường cho Công ty B số tiền 3.000.000 đồng. Đối với đề nghị của các bị hại là Công ty cổ phần A, UBND xã V, UBND xã Y thì do họ chưa yêu cầu nên được khởi kiện bằng vụ án khác.

- Luật sư bào chữa của bị cáo V thừa nhận truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương. Sau khi phân tích nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V mức án từ 1 năm đến 01 năm 6 tháng; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

Từ tháng 10 năm 2018 đến ngày 11/02/2019, Nguyễn Văn N đã lợi dụng sơ hở của chủ quản lý tài sản, lén lút thực hiện các hành vi chiếm đoạt các tài sản, cụ thể:

- Trong một số ngày không xác định vào tháng 10/2018, chiếm đoạt 10 tấm lưới chắn rác bằng sắt mạ kẽm trên Quốc lộ 7B, đoạn qua xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thuộc quyền quản lý, bảo vệ, bảo dưỡng thường xuyên của Công ty cổ phần A. Mỗi lần chiếm đoạt được 02 đến 03 tấm chắn, trị giá mỗi tấm chắn là 1.000.000 đồng (tức mỗi lần chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng). Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng.

- Ngày 07/02/2019, chiếm đoạt các bộ phận của 07 máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi nội đồng tại 7 vị trí trên kênh N2-2 đoạn qua xóm YK, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thuộc quyền quản lý khai thác của UBND xã Y, huyện Đô Lương. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 16.500.000 đồng.

- Ngày 09/02/2019, chiếm đoạt các bộ phận của 02 máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi nội đồng tại 2 vị trí trên kênh N2-2 đoạn qua xóm YK, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thuộc quyền quản lý khai thác của UBND xã Y, huyện Đô Lương và của 06 máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi nội đồng tại 6 vị trí trên kênh N2 thuộc quyền quản lý khai thác của UBND xã V, huyện Đô Lương. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 18.800.000 đồng.

- Ngày 10/02/2019, chiếm đoạt các bộ phận của 09 máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi nội đồng tại 09 vị trí trên kênh N1, Rada1, Rada3 thuộc quyền quản lý khai thác của UBND xã V, huyện Đô Lương. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 20.600.000 đồng.

- Ngày 11/02/2019, chiếm đoạt các bộ phận của 06 máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi tại 06 vị trí trên kênh N2-5 thuộc quyền quản lý khai thác của

Công ty TNHH B. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 19.400.000 đồng.

(Trong mỗi ngày thực hiện hành vi phạm tội, do các bộ phận của máy điều tiết nước thủy lợi đều có khối lượng lớn, cách xa nhau về không gian nên N phải lấy trộm và tẩu tán nhiều lần đồng thời các hành vi cũng có tính chất liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian).

Tổng trị giá các tài sản mà N đã chiếm đoạt là **85.300.000** đồng.

Bị cáo Phan Thị V mặc dù biết bị cáo N trộm cắp các bộ phận máy đóng mở điều tiết nước thủy lợi nhưng vẫn tạo điều kiện bằng cách cho N mượn xe mô tô 04 lần để chuyển tài sản trộm cắp có tổng trị giá là **74.300.000** đồng từ vị trí các kênh thủy lợi về nhà V trong các tối ngày 07, 09, 10, 11/02/2019 với mục đích mua lại những tài sản này. Do đó, hành vi của V là hành vi giúp sức để bị cáo N hoàn thành tội phạm bằng hình thức cung cấp phương tiện vật chất để N chuyên chở tài sản trộm cắp ra khỏi phạm vi quản lý của chủ tài sản và tạo động lực tinh thần cho N tiếp tục trộm cắp bằng việc chấp nhận mua tài sản phạm pháp. (Riêng hành vi của V tiêu thụ 01 tấm sắt kích thước 41cmx42cm trị giá 1.000.000 đồng tại thời điểm lần đầu N chở bằng xe đạp đến ga bán tối ngày 07/02/2019 không phải là hành vi giúp sức trộm cắp mà chỉ là hành vi tiêu thụ tài sản phạm pháp).

Như vậy, các hành vi trên của bị cáo N, bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát huyện Đô Lương truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, Viện kiểm sát còn truy tố 2 bị cáo về hành vi trộm 2 cánh cửa sắt trị giá 1.4000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Thủy vào tối ngày 13/02/2019 với lý do hành vi này liên tục, kế tiếp về mặt thời gian với hành vi trước đó. Hội đồng xét xử thấy: trước khi thực hiện hành vi này, cả hai bị cáo chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa bị kết tội chiếm đoạt tài sản bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Hành vi này diễn ra vào tối ngày 13/02/2019 (cách các hành vi bị truy tố khác 02 ngày) nên không có sự liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian với các hành vi trước đó đồng thời cũng không bị cản trở bởi các điều kiện hoàn cảnh khách quan. Các bị cáo đều có thu nhập chính từ công việc buôn bán phế liệu và lao động chân tay mà không phụ thuộc vào nguồn tài sản trộm cắp. Vì vậy, hành vi này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và Hội đồng xét xử không chấp nhận truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương đối với hành vi trộm 02 cánh cửa sắt này.

Xét hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội ở mức độ lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được Nhà nước đầu tư nhằm mục đích phục vụ phát triển hệ thống giao thông và kinh tế nông nghiệp nông thôn (thủy lợi), làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều hơn 02 lần (là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Ngoài ra, ngày 13/02/2019 các bị cáo

còn trộm 02 cánh cửa sắt của anh Thủy trị giá 1.400.000 đồng, mặc dù hành vi này không cấu thành tội phạm nhưng thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn nên cần xem xét tính chất, mức độ tham gia của mỗi bị cáo để đưa ra mức hình phạt tương xứng.

Bị cáo N là người khởi xướng và thực hành tích cực, trong thời gian 4 tháng đã một mình thực hiện nhiều hành vi trộm cắp với trị giá tài sản chiếm đoạt lên đến 85.300.000 đồng với mục đích là để kiếm tiền mua ma túy và tiêu xài cá nhân nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Vì vậy, cần xử lý thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe, phòng ngừa tái phạm và tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Nhưng xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự), ông nội Nguyễn Văn H là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất (khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) nên cũng cần cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo V tham gia với vai trò là người giúp sức nên phải chịu trách nhiệm thứ yếu trong vụ án. Bị cáo nhất thời phạm tội và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải (điểm s, khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự); đã bồi thường thiệt hại cho bị hại là Công ty TNHH B (điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự), hợp tác với cơ quan điều tra thu hồi các tài sản để trả lại cho bị hại (điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Mẹ bị cáo được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ Trường Sơn và ông Hồ Đình Minh – giám đốc Xí nghiệp thủy lợi Đ (trực thuộc Công ty TNHH B) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự). Hoàn cảnh bị cáo éo le, chồng tàn tật mất sức lao động, một mình bị cáo phải lao động kiếm sống nuôi cả gia đình bằng nghề lượm nhặt, mua bán phế liệu. Quá trình lao động, sinh hoạt tại địa phương chưa có sai phạm gì nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt là đủ nghiêm.

Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị và hiện cũng không có thu nhập nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: bị hại Công ty TNHH B yêu cầu và bị cáo N thống nhất bồi thường số tiền 3.000.000 đồng trị giá còn lại của 02 giàn đỡ máy. Vì vậy, cần căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo N bồi thường cho Công ty TNHH B số tiền 3.000.000 đồng.

Bị hại Công ty cổ phần A, UBND xã Y, UBND xã V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Cảnh D, chị Nguyễn Thị T chưa yêu cầu Hội

đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự nên hội đồng xét xử không giải quyết mà dành quyền khởi kiện bồi thường thiệt hại ở vụ án khác.

Về vật chứng: chiếc xe đạp bị cáo sử dụng để chở tài sản trộm cắp đã bán không thu hồi được, thanh gỗ bẫy các tấm chắn lưới bị cáo đã vứt bỏ không xác định được ở đâu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

02 chiếc mô tô của anh Cường, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 37D1-50527 của anh Nguyễn Cảnh Hoàng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Longin BKS 37K1-6886 của ông Nguyễn Song Hào là các tài sản bị cáo mượn sử dụng để phục vụ trộm cắp tài sản nhưng do anh Cường, anh Hoàng, ông Hào không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cơ quan điều tra không tịch thu là đúng pháp luật.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu đen BKS 37B2-43413 là tài sản của anh Nguyễn Sỹ T được các bị cáo sử dụng vào mục đích tẩu tán tài sản phạm tội nhưng do anh T không có lỗi trong việc để cho các bị cáo sử dụng phạm tội nên cơ quan điều tra không tịch thu là đúng pháp luật.

Về các vấn đề khác:

Trước phiên tòa, bị cáo V đã bồi thường cho Công ty TNHH B số tiền 2.000.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH B số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy, toàn bộ thiệt hại của Công ty TNHH B đã được các bị cáo chấp nhận khắc phục nên hai bị cáo không thu được lợi ích bất chính nào từ thiệt hại của bị hại này. Còn các thiệt hại của Công ty cổ phần A, UBND xã Y và UBND xã V, anh Nguyễn Cảnh D, chị Nguyễn Thị T thì do họ chưa yêu cầu xem xét buộc bồi thường trong vụ án hình sự nên quyền yêu cầu bồi thường được bảo lưu bằng quan hệ tranh chấp dân sự khác. Và vì vậy, các bị cáo vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường đầy đủ thiệt hại đồng thời những lợi ích mà bị cáo đang thụ hưởng sẽ phải sử dụng vào mục đích bồi thường khi những chủ thể này có yêu cầu.

Hành vi của 2 bị cáo trộm cắp 2 cánh cửa sắt trị giá 1.400.000 đồng và hành vi của V mua 01 tấm sắt 41cmx42cm (trị giá 1.000.000 đồng) do N chở bằng xe đạp đem bán vào tối ngày 07/02/2019 không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử kiến nghị Công an huyện Đô Lương xử lý vi phạm hành chính theo luật định.

Anh Nguyễn Cảnh D và chị Nguyễn Thị T khi mua các tài sản do 2 bị cáo bán đều không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật và không cần xử lý.

Về án phí: 2 bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Bị cáo N còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N**, bị cáo **Phan Thị V** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn N **03** (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 26/02/2019.

Áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Thị V **01** (Một) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 22/4/2019.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho Công ty TNHH B số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không thi hành, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: áp dụng Điều 136, khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc 2 bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; Người CQLNVLQ;
- VKSND huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Đô Lương;
- CQTHAHS huyện Đô Lương;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thế